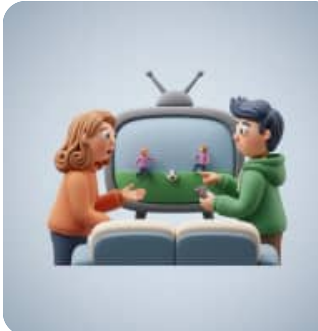


 Dạo này thế nào?	 Lâu rồi không gặp	Kopę lat Lâu rồi không gặp. Kopę lat! Lekcja 10 · Krótkie pogawędki	Jak leci? Dạo này thế nào? Jak leci? Lekcja 10 · Krótkie pogawędki
 Bạn thích ...	 Bạn đang làm gì ...?	Co porabiasz Bạn đang làm gì thế? Co porabiasz teraz? Lekcja 10 · Krótkie pogawędki	Co lubisz robić? Bạn thích làm gì? Co lubisz robić? Lekcja 10 · Krótkie pogawędki
 Chúc bạn một ngày tốt lành	 Bảo trọng	Trzymaj się Bảo trọng. Hẹn gặp lại bạn vào ngày mai. Trzymaj się. Do zobaczenia jutro. Lekcja 10 · Krótkie pogawędki	Miłego dnia Chúc bạn một ngày tốt lành, John! Miłego dnia, John! Lekcja 10 · Krótkie pogawędki
 Chúc may mắn!	 Chúc mừng	Gratulacje! Chúc mừng! Bạn đã hoàn thành công việc khó khăn này. Gratulacje! Ukończyłeś tę ciężką pracę. Lekcja 10 · Krótkie pogawędki	Powodzenia! Chúc may mắn! Tôi tin bạn! Powodzenia! Wierzę w ciebie! Lekcja 10 · Krótkie pogawędki

 Chúc mừng!	 Không vấn đề gì	Nie ma problemu Không vấn đề gì, tôi có thể giúp bạn. Nie ma problemu, mogę ci pomóc. Lekcja 10 · Krótkie pogawędki	Na zdrowie! Chúc mừng! Na zdrowie! Lekcja 10 · Krótkie pogawędki
 Đừng lo	 Được thôi	Brzmi dobrze Được thôi, cảm ơn bạn! Brzmi dobrze, dzięki! Lekcja 10 · Krótkie pogawędki	Nie martw się Đừng lo, mọi chuyện sẽ ổn thôi. Nie martw się, wszystko będzie dobrze. Lekcja 10 · Krótkie pogawędki
 Ngày hôm nay của bạn thế nào?	 Cuối tuần của bạn thế nào?	Jak minął twój weekend Cuối tuần của bạn thế nào? Jak minął twój weekend? Lekcja 114 · Zagajenia do rozmowy	Jak mija ci dzień? Ngày hôm nay của bạn thế nào? Jak mija ci dzień? Lekcja 114 · Zagajenia do rozmowy
 Hôm nay bạn có kế hoạch gì ...?	 Thời tiết thế nào	Jaka jest pogoda? Thời tiết thế nào? Jaka jest pogoda? Lekcja 114 · Zagajenia do rozmowy	Jakie masz plany na dzisiaj? Hôm nay bạn có kế hoạch gì không? Jakie masz plany na dzisiaj? Lekcja 114 · Zagajenia do rozmowy

 Bạn đã xem ... chưa?	 Thế nào	Jak było? Thế nào? Bạn có thấy thích không? Jak było? Podobało ci się? Lekcja 114 · Zagajenia do rozmowy	Czy oglądałeś ... Bạn đã xem trận đấu chưa? Czy oglądałeś mecz? Lekcja 114 · Zagajenia do rozmowy
 kể cho tôi nghe về ...	 Hay đấy	Fajnie Hay đấy, tôi đồng ý. Fajnie, zgadzam się. Lekcja 114 · Zagajenia do rozmowy	Opowiedz mi o Hãy kể cho tôi nghe về một ngày của bạn. Opowiedz mi o swoim dniu. Lekcja 114 · Zagajenia do rozmowy
 Thật à?	 Không đời nào	Nie ma mowy! Không đời nào! Tôi chưa bao giờ thấy cái đó! Nie ma mowy! Nigdy czegoś takiego nie widziałem! Lekcja 114 · Zagajenia do rozmowy	Naprawdę? Thật à? Điều đó có đúng không? Naprawdę? Czy to prawda? Lekcja 114 · Zagajenia do rozmowy
 Tôi hiểu rồi	 thú vị	ciekawy Thú vị thật. Tôi chưa bao giờ nhìn nhận vấn đề theo cách đó. Ciekawe. Nigdy nie patrzyłem na to w ten sposób. Lekcja 114 · Zagajenia do rozmowy	Rozumiem Tôi hiểu rồi. Bây giờ tôi đã hiểu. Rozumiem. Teraz już wiem. Lekcja 114 · Zagajenia do rozmowy

 tiện thể	 dù sao đi nữa	i tak Chúng ta vẫn nên đi dù sao đi nữa. Powinniśmy i tak pójść. Lekcja 115 · Podtrzymywanie rozmowy	przy okazji Tiện thể, rất vui được gặp bạn. Przy okazji, miło mi cię poznać. Lekcja 115 · Podtrzymywanie rozmowy
 thực ra	 thú thật	szczerze mówiąc Thú thật, tôi đang thấy mệt. Szczerze mówiąc, jestem zmęczony. Lekcja 115 · Podtrzymywanie rozmowy	właściwie Thực ra, bộ phim đó rất hay. Właściwie film był bardzo miły. Lekcja 115 · Podtrzymywanie rozmowy
 không sao	 bạn biết đấy	wiesz Bạn biết đấy, tôi nghĩ chúng ta đã gặp nhau trước đây rồi. Wiesz, myślę, że już się spotkaliśmy. Lekcja 115 · Podtrzymywanie rozmowy	nie ma problemu Không sao, mọi chuyện sẽ ổn thôi. Nie ma problemu, wszystko będzie dobrze. Lekcja 115 · Podtrzymywanie rozmowy
 ý tôi là	 thì	cóž Thì, chuyện đó còn tùy vào cách bạn nhìn nhận. Cóż, to zależy, jak na to patrzysz. Lekcja 115 · Podtrzymywanie rozmowy	mam na myśli ý tôi là, thời tiết trông đẹp thật. Mam na myśli, że pogoda wygląda ładnie. Lekcja 115 · Podtrzymywanie rozmowy

 nhắc mới nhớ	 nói ngắn gọn là	krótko mówiąc Nói ngắn gọn là tôi đã thắng. Krótko mówiąc, wygrałem. Lekcja 115 · Podtrzymywanie rozmowy	przypomina mi to, że Nhắc mới nhớ, tôi có một cuộc hẹn. Przypomina mi to, że mam wizytę. Lekcja 115 · Podtrzymywanie rozmowy
 nghư tôi đã nói	 theo tôi được biết	o ile wiem Theo tôi được biết, nhà ga ở đằng kia. O ile wiem, stacja jest tam. Lekcja 115 · Podtrzymywanie rozmowy	jak mówiłem Như tôi đã nói, mọi chuyện vẫn ổn. Jak mówiłem, jest w porządku. Lekcja 115 · Podtrzymywanie rozmowy